TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 426/2018/KDTM-PT
Ngày 26/4/2018
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Tuấn.

Các thẩm phán: 1. Bà Trần Thị Bích Thủy

2. Ông Trần Nam Bình

- ***Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Lê Thị Linh Sương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/KDTM-PT ngày 09/11/2017 về "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2017/KDTM-ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1143/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2216/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần Đầu tư ĐCL**

Địa chỉ: 58 đường ĐD, phường BN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Văn T - Giấy ủy quyền số 12/2015/UQ-ĐCL ngày 02/12/2015;

Bị đơn: **Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng TN**

Địa chỉ: 7A/80 đường TT, Phường MB, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hoàng T - Giấy ủy quyền số 942/017/GUQ/TNG ngày 21/12/2017;

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển CP** (tên cũ: Công ty Cổ phần NBN 79)

Địa chỉ: 65 đường ND, phường BN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Huy T - Giấy ủy quyền ngày 10/4/2018;

2. Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 5

Địa chỉ: 02 đường NTT, Phường HB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Ngọc C.

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng TN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 08/5/2007, Công ty Cổ phần Đầu tư ĐCL (gọi tắt là Công ty ĐCL) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng TN (gọi tắt là Công ty TN) ký Hợp đồng số 05/2007-ĐCL/TN với nội dung: Công ty TN chuyển nhượng cho Công ty ĐCL 5.000m^2 đất tại khu đất 3,55ha thuộc Dự án xây dựng Khu cao ốc - Dịch vụ - Thương mại - Nhà cao tầng, Đường BTH, Phường ML, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 168.000.000.000đ. Nếu bên chuyển nhượng đổi ý hoặc không thể chuyển nhượng được thì phải bồi thường cho bên nhận chuyển nhượng gấp đôi số tiền chuyển nhượng đã nhận.

Ngày 06/11/2007, hai bên có Biên bản đối chiếu công nợ, trong đó xác định tính đến ngày 06/11/2007 Công ty ĐCL đã thanh toán cho Công ty TN số tiền chuyển nhượng là 138.800.000.000đ.

Ngày 13/5/2014, hai bên có Biên bản thanh lý hợp đồng, trong đó xác định:

- Do Công ty TN đề nghị hủy Hợp đồng số 05/2007-ĐCL/TN nên hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng.

- Công ty TN có trách nhiện hoàn trả Công ty ĐCL 138.800.000.000đ đã nhận và thanh toán thêm cho Công ty ĐCL các khoản thiệt hại là 138.800.000.000đ, tổng cộng là 277.600.000.000đ. Công ty TN đã thanh toán 2.000.000.000đ, còn lại là 275.600.000.000đ được giải quyết bằng cách: Công ty TN sẽ ký hợp đồng vay có chứng nhận của công chứng với số tiền là 85.600.000.000đ, trong thời hạn 12 tháng, mỗi tháng hoàn trả 5.000.000.000đ; còn lại 190.000.000.000đ Công ty TN phải thanh toán trả cho Công ty ĐCL trước ngày 30/6/2014.

Nhưng thực tế Công ty TN chỉ thanh toán thêm cho Công ty ĐCL 100.000.000.000đ vào ngày 27/7/2015 nên ngày 02/12/2015 Công ty ĐCL đã khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Buộc Công ty TN phải thực hiện các thủ tục chuyển nhượng đất cho Công ty ĐCL, trường hợp không tiếp tục chuyển nhượng thì phải trả lại Công ty ĐCL 138.800.000.000đ đã nhận và phải bồi thường cho Công ty ĐCL số tiền là

138.800.000.000đ như đã thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng số 05/2007-ĐCL/TN.

- Chấp nhận cho Công ty ĐCL được tiếp tục quản lý 5.000m^2 đất trên cho đến khi vụ án được giải quyết hoặc có bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Ngày 20/01/2016, Công ty ĐCL và Công ty TN ký tiếp Biên bản thanh lý Hợp đồng số 05/2007-ĐCL/TN, trong đó xác định:

- Do Công ty TN đề nghị hủy Hợp đồng số 05/2007-ĐCL/TN nên hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng.

- Công ty TN có trách nhiện hoàn trả Công ty ĐCL 138.800.000.000đ đã nhận và thanh toán thêm cho Công ty ĐCL các khoản thiệt hại là 117.345.500.000đ, tổng cộng là 256.145.500.000đ. Công ty TN đã thanh toán 102.000.000.000đ, còn lại là 154.145.500.000đ được giải quyết bằng cách: Công ty TN sẽ ký văn bản xác nhận nợ với số tiền là 74.145.500.000đ và phải hoàn trả trong thời hạn 40 tháng, mỗi tháng hoàn trả 2.000.000.000đ; còn lại 80.000.000.000đ Công ty TN phải thanh toán trả cho Công ty ĐCL chậm nhất là ngày 08/3/2016.

Cùng ngày 20/01/2016 Công ty ĐCL và Công ty TN đã ký thỏa thuận về số nợ 74.145.500.000đ với thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận tại Biên bản thanh lý Hợp đồng số 05/2007-ĐCL/TN nêu trên.

Ngày 05/3/2016, Công ty TN đã thanh toán cho Công ty ĐCL 80.000.000.000đ.

Ngày 07/03/2016, Công ty ĐCL bàn giao lại phần đất đã nhận cho Công ty TN.

Ngày 10/3/2016, Công ty ĐCL thay đổi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án công nhận các biên bản thỏa thuận đã ký nêu trên của hai bên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty ĐCL thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ còn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TN phải thanh toán cho Công ty ĐCL số tiền còn nợ theo cam kết tính từ tháng 3/2016 đến tháng 9/2017 mỗi tháng 2.000.000.000đ, tổng cộng là 36.000.000.000đ.

Theo trình bày của Công ty TN thì ngày 16/12/2004 Công ty có ký Hợp đồng liên kết số 1262/HĐLK với Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 5 (gọi tắt là Công ty 5) để Công ty 5 làm các thủ tục pháp lý, tài chính, liên doanh, liên kết với các đơn vị khác triển khai thực hiện Dự án xây dựng Khu cao ốc - Dịch vụ - Thương mại - Nhà cao tầng, Đường BTH, Phường ML, Quận M trên khu đất 5.000m^2 nhưng Công ty 5 không thực hiện hợp đồng này nên Công ty TN không thực hiện được việc chuyển nhượng đất cho Công ty ĐCL, đây là một nguyên nhân khách quan và bất khả kháng. Ngoài ra, hợp đồng chuyển nhượng đất giữa hai bên là hợp đồng vô hiệu do đã vi phạm các quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai và Luật Kinh doanh bất động sản. Công ty TN nhận của Công ty ĐCL 138.800.000.000đ nhưng đã trả cho Công ty ĐCL 182.000.000.000đ. Do

vậy, Công ty TN đề nghị Tòa án buộc Công ty ĐCL phải hoàn trả cho Công ty TN số tiền chênh lệch là 43.200.000.000đ.

Tòa án nhân dân Quận M đã thực hiện việc công khai chứng cứ và tổ chức việc hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện được ủy quyền của Công ty TN xác định ông có biết và có các văn bản: Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 20/01/2016, Biên bản xác nhận nợ ngày 20/01/2016, Thỏa thuận số 01/2016/BB-BN79 ngày 05/3/2016 và Biên bản bàn giao mặt bằng ngày 07/3/2016 nhưng không biết về việc thực hiện các văn bản này như thế nào, đồng thời cho rằng Hợp đồng số 05/2007-ĐCL/TN đã bị vô hiệu thì các văn bản này cũng phải bị vô hiệu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2017/KDTM-ST ngày 27/9/2017, Tòa án nhân dân Quận M đã quyết định:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty ĐCL đòi Công ty TN phải thanh toán số tiền là 38.145.500.000đ.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc Công ty TN phải thanh toán trả Công ty ĐCL số tiền là 36.000.000.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc tuyên bố Hợp đồng số 05/2007-ĐCL/TN là vô hiệu và yêu cầu của bị đơn đòi Công ty ĐCL phải thanh toán cho Công ty TN số tiền là 43.200.000.000đ.

Ngoài ra, bản án còn có phần quyết định về việc chịu tiền lãi do chậm thi hành án, việc chịu án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/10/2017, Công ty TN đã nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đồng thời cho rằng:

1) Hợp đồng số 05/2007-ĐCL/TN là hợp đồng vô hiệu vì:

- Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng của khu đất thì quyền sử dụng đất là của Công ty 5, không phải của Công ty TN nên đã vi phạm Điều 106 Luật Đất đai năm 2003 đó là: "Quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; quyền thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất... phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

- Không có chứng nhận của công chứng nên đã vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều 689 của Bộ luật Dân sự năm 2005 đó là "Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản, có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật.";

- Vi phạm quy định tại Khoản 2, Điều 7 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2006 đó là "Có giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật... Trường hợp chuyển nhượng, cho thuê quyền sử dụng đất thuộc dự án khu đô thị mới, dự án khu nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp thì phải có các công trình hạ tầng tương ứng với nội dung và tiến độ của dự án đã được phê duyệt.".

- Vi phạm quy định tại Điều 120 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 vì Hợp đồng không được thông qua Hội đồng quản trị của Công ty ĐCL.

- Vi phạm Khoản 1 Điều 21 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2006 và các điều 6, 7, 8, 9 Nghị định 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 do không có sự chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2) Việc Công ty TN không chuyển nhượng được đất cho Công ty ĐCL là do Công ty 5 không thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất cho Công ty TN. Đây là một sự kiện bất khả kháng, mặc dù Công ty TN đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết nhưng vẫn không khắc phục được các hậu quả của sự kiện này.

Do đó, Công ty TN kháng cáo yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng số 05/2007-ĐCL/TN là hợp đồng vô hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Nguyên đơn không hỏi gì thêm. Bị đơn có hỏi một số câu hỏi nhưng nguyên đơn cho rằng những câu hỏi này nguyên đơn đã trả lời đầy đủ tại cấp sơ thẩm nên từ chối trả lời.

Bị đơn cho rằng khi ký hợp đồng và các văn bản thỏa thuận mà Tòa án đã nêu ở phần trên bị đơn không biết hợp đồng này là hợp đồng bị vô hiệu, sau khi nghiên cứu lại mới biết nên đã có văn bản yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng đã ký là vô hiệu. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho nguyên đơn thay đổi nội dung đơn kiện là vi phạm thủ tục tố tụng vì nội dung thay đổi này vượt quá phạm vi được ủy quyền của người đại diện và vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Sau khi nêu lại ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm và tại đơn kháng cáo, đại diện của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên các ý kiến đã nêu và đề nghị Tòa án bác kháng cáo của bị đơn, đồng thời giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của thủ tục tố tụng. Những người tham gia phiên tòa cũng chấp hành đúng các quy định của thủ tục tố tụng. Nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện mà đại diện được ủy quyền của nguyên đơn đã nêu tại cấp sơ thẩm nằm trong phạm vi khởi kiện ban đầu và không vượt quá phạm vi đã được ủy quyền. Phán quyết tại bản án sơ thẩm là đúng pháp luật nên đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị Tòa án bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận của các đương sự;

Sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát;

Sau khi nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của Công ty TN làm đúng thời hạn và thủ tục.

Xét: Căn cứ nội dung ủy quyền tại Giấy ủy quyền số 12/2015/UQ-ĐCL ngày 02/12/2015 thì đại diện được ủy quyền của nguyên đơn là ông Đoàn Văn Thành được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ kiện, nội dung khởi kiện mà ông Thành đã thay đổi tại cấp sơ thẩm thực chất là rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ban đầu nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vi phạm thủ tục tố tụng, đồng thời phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 71 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét: Do nguyên đơn và bị đơn đều là các pháp nhân, hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 và Khoản 2 Điều 2 của Luật Thương mại năm 2005 hoạt động kinh doanh của nguyên đơn và bị đơn thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thương mại năm 2005 và các quy định của pháp luật có liên quan.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 của Luật Thương mại năm 2005 thì: "1. Các bên có quyền tự do thoả thuận không trái với các quy định của pháp luật, thuần phong mỹ tục và đạo đức xã hội để xác lập các quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoạt động thương mại. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ các quyền đó".

Xét: Mặc dù ngày 08/5/2007, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng số 05/2007-ĐCL/TN về việc chuyển nhượng 5.000m^2 đất tại khu đất 3,55ha thuộc Dự án xây dựng Khu cao ốc - Dịch vụ - Thương mại - Nhà cao tầng, Đường BTH, Phường ML, Quận M nhưng sau đó hai bên đã có các văn bản thỏa thuận về việc hủy bỏ hợp đồng và giải quyết hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng.

Xét: Các thỏa thuận nêu trên không trái với quy định của pháp luật, thuần phong mỹ tục và đạo đức xã hội nên đã phát sinh hiệu lực và được Nhà nước tôn trọng và bảo hộ.

Căn cứ Biên bản thanh lý hợp đồng và Văn bản xử lý nợ giữa hai bên ngày 20/01/2016, đến thời điểm này bị đơn vẫn còn nợ nguyên đơn hai khoản tiền:

- Khoản tiền thứ nhất là 80.000.000.000đ, Công ty TN phải thanh toán trả cho Công ty ĐCL chậm nhất là ngày 08/3/2016.

- Khoản tiền thứ hai là 74.145.500.000đ, Công ty TN phải hoàn trả cho Công ty ĐCL trong thời hạn 40 tháng, mỗi tháng hoàn trả 2.000.000.000đ.

Nhưng sau đó Công ty TN chỉ thanh toán được khoản tiền thứ nhất, còn khoản tiền thứ hai không thanh toán. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền theo thỏa thuận ngày 20/01/2016, tính từ tháng 3/2016 đến tháng 9/2017 mỗi tháng 2.000.000.000đ, tổng cộng là 36.000.000.000đ là có căn cứ và đúng pháp luật.

Do hai bên đã có thỏa thuận không trái với các quy định của pháp luật, thuần phong mỹ tục và đạo đức xã hội về việc hủy hợp đồng và giải quyết các hậu quả phát sinh nên việc Hợp đồng số 05/2007-ĐCL/TN có bị vô hiệu hay không không ảnh hưởng đến hiệu lực của các thỏa thuận này. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đề nghị của bị đơn về việc tuyên bố Hợp đồng số 05/2007-ĐCL/TN vô hiệu, cũng như yêu cầu của bị đơn đòi nguyên đơn phải hoàn trả số tiền chênh lệch giữa khoản tiền bị đơn đã nhận với khoản tiền bị đơn đã trả là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét: Trước khi Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu Tòa án công nhận các thỏa thuận mà nguyên đơn và bị đơn đã ký kết. Theo các thỏa thuận này thì bị đơn còn phải có nghĩa vụ thanh toán trả nguyên đơn số tiền là 74.145.500.000đ trong thời hạn 40 tháng, mỗi tháng hoàn trả 2.000.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền phát sinh tính đến ngày xử sơ thẩm là 18 tháng, thành tiền là 36.000.000.000đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn lại là 38.145.500.000đ.

Theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì:

"1. Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó.

2. Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi yêu cầu của mình hoặc thỏa thuận với nhau một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội."

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 38.145.500.000đ là có căn cứ và đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308; Điều 313; Khoản 1 Điều 147 và Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án,

Xử:

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2017/KDTM-ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận M.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng TN phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng) án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)

tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm công ty đã nộp theo Biên lai thu số AG/2014/0004519 ngày 06/10/2017của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M.

Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận về thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại Tp. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. HCM;
- Tòa án nhân dân Quận M;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận M;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Khắc Tuấn